

Số: 06/2020/QĐST-KDTM

Đông Triều, ngày 24 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 147; 157; khoản 1 Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành lập ngày 14/8/2020 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ: Số, Phường T, Quận B, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, Chức vụ: Tổng giám đốc – Công ty TNHH MTV Ngân hàng N; Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T, Chức vụ: Giám đốc–Agribank chi nhánh Mạo Khê Tây Quảng Ninh; Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn T, Chức vụ: Phó giám đốc – Agribank chi nhánh Mạo Khê Tây Quảng Ninh; Địa chỉ: Số 60 – Khu Hoàng Hoa Thám – Phường Mạo Khê – Thị xã Đông Triều – Tỉnh Quảng Ninh.

2/ Bị đơn: Công ty cổ phần thương mại và vận tải T; Địa chỉ: khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hùng V, giám đốc công ty.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Tiến D, sinh năm 1968 và chị Nguyễn Thị Việt H sinh năm 1971; Cùng địa chỉ: Khu 5, phường H, thành phố M, tỉnh Q.

- Ông Trần Duy M, sinh năm 1937; Địa chỉ: Khu M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Công ty cổ phần thương mại và vận tải T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A số tiền tính đến hết ngày 14 tháng 8 năm 2020 là: 1.560.569.508 đồng, bao gồm nợ gốc: 700.000.000 đồng, Lãi trong hạn: 677.019.035 đồng và lãi quá hạn: 183.550.474 đồng.

2. Về phương án trả nợ hai bên thỏa thuận, thống nhất như sau:

2.1 Ngày 31/12/2020 Công ty cổ phần thương mại và vận tải T phải trả toàn bộ số tiền 1.560.569.508 đồng, bao gồm nợ gốc: 700.000.000 đồng, Lãi trong hạn: 677.019.035 đồng và lãi quá hạn: 183.550.474 đồng và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2020 đến 31/12/2020 cho A.

2.2 Yêu cầu Công ty cổ phần thương mại và vận tải T phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD ngày 21 tháng 02 năm 2012; Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐTD ngày 22 tháng 05 năm 2013 kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/ quyết định cho đến ngày Công ty cổ phần thương mại và vận tải T trả hết nợ.

2.3 Trường hợp Công ty cổ phần thương mại và vận tải T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi quyết định của tòa án có hiệu lực phát luật thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Trần Tiến D và bà Nguyễn Thị Việt H theo hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ 3 số 01/2012 ngày 13 tháng 02 năm 2012; Hợp đồng bổ sung HĐTC bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3 số 01/2013 ngày 22 tháng 05 năm 2013 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các kỳ hạn nói trên thì bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 1511.01/2016/ HĐTD-DN ngày 15/11/2016 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0902.01/2017/SĐBS-HĐTD ngày 09/02/2017.

3/ Về chi phí tố tụng:

3.1 Công ty cổ phần thương mại và vận tải T chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản theo quy định. Cụ thể Công ty cổ phần thương mại và vận tải T phải hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 11.000.000^d (Mười một triệu đồng) mà Ngân hàng N tạm ứng trong quá trình giải quyết.

3.2 Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả đủ số tiền chi phí tố tụng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 Bộ luật Dân sự.

4/ Về án phí:

4.1 Công ty cổ phần thương mại và vận tải T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 29.408.535 đồng theo quy định của pháp luật.

4.2 Trả lại Ngân hàng N 28.767.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004588, ngày 15/5/2020.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát thị xã Đông Triều;
- Tòa án tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đông Triều;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thiên Nga